TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L **TỈNH VĨNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 84/2021/HN-ST
Ngày: 15 - 11 - 2021
Về việc: "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mỹ N

2. Ông Nguyễn Văn C

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bé D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L tham gia phiên tòa:* (không tham gia)

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2021, về việc "tranh chấp ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2021/QĐXX-STHNGĐ, ngày 27 tháng 9 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 133/2021/QĐST-HN, ngày 25 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: *Bà Cao Hoàng Y, sinh năm 1986 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Ấp Chợ, xã Mỹ An, huyện Mang T, tỉnh Vĩnh L.

2. Bị đơn: *Ông Trương Tấn L, sinh năm 1985 (vắng mặt)*

Hộ khẩu thường trú số 32/70B, đường Nguyễn Chí Thanh, Khóm 2, Phường 5, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/4/2021 và các lời khai có trong hồ sơ thể hiện rằng, trước khi kết hôn bà Y và ông L có tìm hiểu nhau thời gian và sau đó tổ chức lễ cưới vào ngày 08/7/2020, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến tháng 3 năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, ông L nhận thức lệch lạc quan điểm hôn nhân vợ chồng, không phụ giúp cùng nhau phát triển kinh tế gia đình. Cuối tháng 4 năm 2021 đến nay, ông L về nhà mẹ ruột sinh sống và từ đó vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không còn tình cảm và tin tưởng. Bà Y xác định không còn tình cảm với ông L, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Y và ông L. Về con chung, bà Y và ông L không có con chung; về tài sản chung và nợ tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trương Tấn L vắng mặt các phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ: Tòa án tống đạt văn bản tố tụng vào ngày 03/6/2021 và ngày 15/6/2021 để tham

gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 15/6/2021 và ngày 05/7/2021; thông báo kết quả công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 14/7/2021 nhưng vắng mặt, không lý do và không có lời khai phản hồi vụ kiện nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Y vắng mặt theo đơn đề nghị ngày 05/7/2021 và không có nộp tài liệu, chứng cứ gì mới để xuất trình.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông L vắng mặt, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng lần thứ nhất vào ngày 27/9/2021 và lần hai vào ngày 11/11/2021 để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 25/10/2021 và phiên tòa sơ thẩm lần hai ngày 15/11/2021 nhưng vắng mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L. Xét đây là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Bà Y vắng mặt phiên tòa sơ thẩm theo đơn đề nghị; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt, không lý do. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà Y, ông L theo luật định.

[2]. Xét lời khai của bà Y ngày 05/7/2021 cho rằng, nguyên nhân ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, bà Y xác định không còn tình cảm và tin tưởng ông L, yêu cầu được ly hôn. Đối với ông L, Toà án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi thông báo thụ lý vụ án và không đưa ra chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền lợi cho mình nên phải chịu hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, không làm cho mục đích hôn nhân đạt được sự yêu thương, quan tâm chăm sóc, cùng nhau phát triển kinh tế gia đình. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Yến. Tuy nhiên, do hôn nhân giữa bà Y bà ông L không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng là phù hợp với khoản 1 Điều 9 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung, không có. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ tài sản, bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

- Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Vì vậy, bà Y phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số N^{0}0000221 ngày 07/5/2021 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L; Bà Y đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ông L không phải chịu tiền án phí sơ thẩm hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Áp dụng Điều 56, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14; Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cao Hoàng Y.

1. Về hôn nhân: Không công nhận hôn nhân giữa bà Cao Hoàng Y và ông Trương Tấn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ tài sản: Bà Y không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

II. Về án phí sơ thẩm: Bà Y phải nộp tiền án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số $N^0$0000221 ngày 07/5/2021 của cơ quan Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh L; Bà Y đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Ông L không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, được tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thu T

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS.ND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã, phường;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.